**QUI ĐỊNH CỦA WTO VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI NHÂN VỤ ĐIỀU TRA ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI NHÓM HÀNG KÍNH NỔI NHẬP KHẨU (Kỳ 1)**

**Nguyễn Thị Thu Hồng – Khoa Luật – Đại học Duy Tân**

1. **Tóm tắt vụ việc:**

Ngày 5/5/52009 Công ty kính nổi Viglacera (VIFG) và Công ty Kính nổi Việt Nam (VFG) là 2 doanh nghiệp đại diện cho hơn 90% tổng sản lượng nội địa của loại mặt hàng này (sau đây gọi là “Nguyên đơn”) đã nộp Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng kính nổi nhập khẩu vào Việt Nam với mã HS 7005 29 90 00 và 7005 21 90 00. Trong đơn yêu cầu, Nguyên đơn đề nghị áp dụng mức thuế tự vệ tương đương 0,6USD/m2QTC đối với hàng hóa thuộc đối tượng điều tra đối với các doanh nghiệp nhập khẩu của Việt Nam có liên quan. Trước khi có quyết định chính thức áp dụng biện pháp tự vệ, Nguyên đơn yêu cầu Bộ Công Thương áp dụng mức thuế tự vệ tạm thời 40% đối với hàng hóa thuộc đối tượng điều tra.

Nguyên nhân: Dựa trên những căn cứ cho rằng có sự gia tăng đột biến về nhập khẩu đối với mặt hàng kính nổi, dẫn đến sụt giảm về sản lượng, công suất, thị phận, lợi nhuận và nguy cơ cắt giảm lao động trong khu vực ngành sản xuất trong nước.

Ngày 01.07.2009, Thứ trưởng Bộ công thương Lê Danh Vĩnh đã thay mặt Bộ trưởng ký Quyết định số 3329/QĐ-BCT v/v tiến hành điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với hai nhóm hàng nhập khẩu này (Quyết định 3329).Theo thủ tục qui định tại Hiệp định WTO về các biện pháp phòng vệ thương mại 1994 (WTO Agreement on Safeguard Measures – Hiệp định SA) và Pháp lệnh 42, ngày 20.11.2009, Cục quản lý cạnh tranh – Bộ Công thương đã tiến hành Phiên tham vấn vụ điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm kính nổi nhập khẩu vào Việt Nam với thành phần tham dự bao gồm đại diện của cơ quan điều tra là Cục quản lý cạnh tranh, các bên Nguyên đơn, đại diện các nhà xuất khẩu (Công ty Mulia Glass của Indonesia, Công ty Guardian Industrie của Thái Lan), Hiệp hội gốm sứ thủy tinh Việt Nam và các doanh nghiệp nhập khẩu của Việt Nam có liên quan.

Sau 7 tháng tiến hành điều tra, ngày 08/02/2010, Cục quản lý cạnh tranh, Bộ công thương đã công bố Báo cáo cuối cùng về kết quả điều tra. Trong Báo cáo điều tra cuối cùng, cơ quan điều tra kết luận :

* Tuy có sự gia tăng nhập khẩu và thiệt hại đối với sản xuất trong nước, song từ Quí II 2009, thị phần của các nhà sản xuất trong nước đã có dấu hiệu phục hồi, cụ thể lượng bán hàng nội địa tăng lên, cùng với chiều hướng bắt đầu suy giảm của lượng hàng hóa nội địa tồn kho;
* Trong bối cảnh suy giảm kinh tế toàn cầu giai đoạn 2008-2009 cùng với những biến động trái chiều của giá dầu F.O tại thị trường Việt Nam so với thị trường thế giới, sự gia tăng nhập khẩu không phải là nguyên nhân chính gây ra thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.

 🢡 Từ những kết quả điều tra cơ bản trên, cùng với thực tế là thị phần của hàng nội địa đối với hàng hóa thuộc nhóm đối tượng bị điều tra, cho dù có suy giảm vẫn ở mức khá cao, hơn 80% tổng thị phần tiêu thụ nội địa, cơ quan điều tra đi đến kết luận cuối cùng là việc áp dụng các biện pháp tự vệ đối với sản phẩm kính nổi nhập khẩu là không còn phù hợp.

Ngày 23/2/2010, Bộ trưởng Bộ công thương ký Quyết định số 0809/QĐ-BCT về việc không áp dụng các biện pháp tự vệ thương mại đối với mặt hàng kính nổi nhập khẩu có mã số HS 7005 29 90 00 và 7005 21 90 000. Sau 7 tháng, vụ điều tra áp dụng các biện pháp tự vệ đầu tiên của Việt Nam theo qui định của pháp luật WTO đã chấm dứt với kết quả không áp dụng các biện pháp tự vệ.

1. **Cơ sở pháp lý để tiến hành điều tra**
* Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam
* Nghị định số 150/2003/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành pháp lệnh về tự vệ nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam
* Nghị định 189/2007/NĐ-CP quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và cơ cấu của bộ công thương.
* Nghị định 06/2006/NĐ-CP quy định chưc năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Cục Quản lý cạnh tranh.

Ngoài ra còn áp dụng các còn áp dụng các biện pháp tự vệ và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết, gồm có:

* Hiệp định về áp dụng các biện pháp tự về của WTO năm 1994 (WTO Agreement on Safeguard Measures – Hiệp định SA)
* Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lục chung trong ASEAN (CEPT)
* Các cam kết quốc tế khác

Cơ chế phòng vệ thương mại đã được qui định trong Hiệp định về các biện pháp phòng vệ thương mại 1994 (SA) trên cơ sở cụ thể hóa và bổ sung các qui định của điều XIX Hiệp định GATT.[3] Chuẩn bị cho Việt Nam gia nhập WTO, ngày 25.5.2002, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào Việt Nam (Pháp lệnh 42) trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của WTO về tự vệ thương mại. Ngày 08.05.2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 150/2003/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam (Nghị định 150).

Về cơ bản, các qui định của Pháp lệnh 42 và Nghị định 150 đã nội luật hóa các qui định của Hiệp định SA và điều XIX GATT, đồng thời qui định cụ thể về thủ tục điều tra và thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong các vụ phòng vệ thương mại. Các qui định về thủ tục và điều kiện áp dụng biện pháp tự vệ thương mại theo Pháp lệnh phòng vệ thương mại và Nghị định 150 được áp dụng đối với tất cả các nhóm hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam, không phân biệt nguồn gốc xuất xứ, bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu từ các nước ASEAN[4] và các nước không phải là thành viên WTO